Phụ lục 1: Tổng hợp diện tích Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương

(Kèm theo Quyết định số: 2044 /QĐ-UBND ngày 08 /11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Tên Dự án	Nhà đầu tư/ Đại diện nhà đầu tư	Địa điểm thực hiện (xã, phường)	Diện tích dự án (ha)	Nguồn gốc diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác				Tổng diện tích rừng quyết định CMĐSDR	Hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 20 Nghị định số 42/2026/NĐ-CP, ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ
					Rừng sản xuất		Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp Quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)			
					Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)	Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)		
1	Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương	- Nhà đầu tư: Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP - Đại diện nhà đầu tư: Công ty than Na Dương – VVMI - Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP	Xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn	124,89 (trong tổng diện tích của dự án 1.494,41)	0	17,97	0	8,59	26,56	- Đề nghị quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác số 4846/TND-ĐTXD ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Công ty than Na Dương - VVMI. - Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về quyết định chủ trương và điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. - Công văn số 48/CV-BĐH ngày 26 tháng 10 năm 2026 của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lạng Sơn về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền trồng rừng thay thế Dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương của Công ty than Na Dương - VVMI, Chi nhánh Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP. - Báo cáo thuyết minh kết quả điều tra hiện trạng rừng chuyển mục đích sử dụng rừng dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương. Bản đồ phạm vi ranh giới diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương, gồm 01 tờ bản đồ.
Tổng cộng				**124,89**	**0,00**	**17,97**	**0,00**	**8,59**	**26,56**	

Phụ lục II: Danh sách các lô rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác dự án Mở rộng nâng công suất mỏ than Na Dương

(Kèm theo Quyết định số: 2044 /QĐ-UBND ngày 08 /11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

STT	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)	Quy hoạch lâm nghiệp
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		
1	Na Dương	391E_LB	4	8	0,02	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
2	Na Dương	393A_LB	7	7	0,02	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
3	Na Dương	393A_LB	7	14	4,39	Rừng sản xuất
4	Na Dương	393A_LB	7	17	0,01	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
5	Na Dương	393A_LB	7	22	0,55	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
6	Na Dương	393A_LB	7	23	0,01	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
7	Na Dương	402_LB	1	1	0,09	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
8	Na Dương	402_LB	1	5	0,03	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
9	Na Dương	402_LB	1	10	3,15	Rừng sản xuất
10	Na Dương	402_LB	1	14	0,05	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
11	Na Dương	402_LB	3	3	0,05	Rừng sản xuất

STT	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)	Quy hoạch lâm nghiệp
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		
12	Na Dương	402_LB	3	5	0,4	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
13	Na Dương	402_LB	3	9	0,06	Rừng sản xuất
14	Na Dương	402_LB	3	13	1,39	Rừng sản xuất
15	Na Dương	402_LB	3	23	2,66	Rừng sản xuất
16	Na Dương	402_LB	3	27	1,84	Rừng sản xuất
17	Na Dương	402_LB	3	28	1,49	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
18	Na Dương	402_LB	3	31	1,29	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
19	Na Dương	402_LB	3	41	3,26	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
20	Na Dương	413A_LB	1	1	0,46	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
21	Na Dương	413A_LB	1	2	0,1	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
22	Na Dương	413A_LB	1	5	0,1	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
23	Na Dương	413A_LB	1	8	4,43	Rừng sản xuất
24	Na Dương	413A_LB	1	9	0,38	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)

STT	Xã	Vị trí			Diện tích rừng quyết định chuyển mục đích (ha)	Quy hoạch lâm nghiệp
		Tiểu khu	Khoảnh	Lô		
25	Na Dương	413A_LB	1	13	0,2	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
26	Lợi Bác	408B_LB	1	2	0,13	Ngoài Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia (trước đây được quy hoạch là rừng sản xuất)
Tổng diện tích rừng quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác					**26,56**	

Ghi chú: Địa danh, vị trí (Lô, khoảnh, tiểu khu), diện tích theo hồ sơ quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng và hồ sơ Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng.